TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 39/2019/QĐST-DS	*Ba Tri, ngày 10 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 82/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2019.

XÉT THẤY:

Sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần A

Địa chỉ trụ sở chính: 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường A, thành phố B, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A1 – Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh M – Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần A – Phòng giao dịch B (văn bản ủy quyền số 207/UQ-CNBT ngày 27/02/2019)

- *Bị đơn*: 1. Ông Trần Minh M1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số 26 Vĩnh Phú, khu phố C, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bến Tre.

2. Bà Trương Thanh T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 43 Võ Trường Toản, Ô 4, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Trần Minh T1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 26 Vĩnh Phú, khu phố C, thị trấn D, huyện E, tỉnh Bến Tre.

(Bà T, ông T1 cùng ủy quyền cho ông M1theo hai văn bản ủy quyền đề ngày 31/05/2019)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Trần Minh M1, bà Trương Thanh T thừa nhận có nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tính đến ngày 31/5/2019 là 134.785.989 đồng (Trong đó tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi là 34.785.989 đồng); Ông Trần Minh M1, bà Trương Thanh T đồng ý liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nói trên và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 416/17/HĐTD/0302-0209 ngày 15/9/2017 trong thời gian 04 tháng như sau:

+ Ngày 28/6/2019 ông M1, bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ lãi là 36.523.380 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm hai mươi ba ngàn ba trăm tám mươi đồng);

+ Ngày 28/7/2019 ông M1, bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 1.631.250 đồng (Một triệu sáu trăm ba mươi mốt ngàn hai trăm năm mươi đồng);

+ Ngày 28/8/2019 ông M1, bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 1.095.656 đồng (Một triệu không trăm chín mươi lăm ngàn sáu trăm năm mươi sáu đồng);

+ Ngày 28/9/2019 ông M1, bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và số tiền nợ lãi là 505.688 đồng (Năm trăm lẻ năm ngàn sáu trăm tám mươi tám đồng);

Ông M1, bà T tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 416/17/HĐTD/0302-0209 ngày 15/9/2017 từ ngày 29/9/2019 cho đến ngày thanh toán xong gốc cho phía Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Trường hợp ông M1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài thế chấp theo hợp đồng thế chấp 416/17/HĐTC-BĐS/0302-0209 ngày 15/9/2017 để thu hồi toàn bộ nợ vay kể cả các khoản nợ vay chưa tới hạn theo thỏa thuận.

2.2 Án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A phải nộp số tiền án phí là 1.746.949 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001915 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn lại số tiền 1.253.051 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ba ngàn không trăm năm mươi mốt đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri;

Ông Trần Minh M1, bà Trương Thanh T liên đới nộp số tiền án phí là 1.746.949 đồng (Một triệu bảy trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bến Tre;*
- *VKSND huyện Ba Tri;*
- *Chi cục THADS huyện Ba Tri;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn